



THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2023

HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY THỰC TẬP HƯỞNG LƯƠNG VÀ CAM KẾT VIỆC LÀM TẠI NHẬT BẢN

I. NGÀNH, NHÓM NGÀNH TUYỂN SINH

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Đối tượng và điều kiện tuyển sinh
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	36	1. Đối tượng tuyển sinh: + Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương); + Sinh viên HTT 2. Hồ sơ xét tuyển: Xét điểm học bạ lớp 12 THPT và TBC ngoại ngữ ≥ 6.0 + Đơn đăng ký tham gia chương trình (theo mẫu); + Học bạ THPT (Bản gốc); + Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời/Bằng tốt nghiệp THPT (Bản gốc); + Giấy khai sinh, CCCD (Bản sao); + 6 ảnh 3x4 (phông nền trắng).
2	Kỹ thuật chế biến món ăn	24	
3	Quản trị khách sạn	24	
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (Điện lạnh)	18	
5	Điện công nghiệp	18	
6	Điều dưỡng	36	
7	Tiếng Nhật	24	

II. KINH PHÍ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH

(Chi tiết tại Bảng phụ lục đính kèm)

III. QUYỀN LỢI SINH VIÊN KHI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH

- ✓ Được cấp bằng Cao đẳng chính quy của trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội; được cấp chứng chỉ Tiếng Nhật cấp độ N3/N2 (khi đăng ký tham gia và vượt qua kỳ thi năng lực tiếng Nhật); tối ưu hóa thời gian đào tạo nghề và thực tập đúng chuyên ngành có hưởng lương tại Nhật Bản;
- ✓ Được tham dự kỳ thi chứng chỉ nghề quốc gia của Nhật Bản (có giá trị quốc tế); được đảm bảo việc làm sau khi hoàn thành 3 năm thực tập và gia hạn làm việc tại Nhật Bản 5 năm tiếp theo.
- ✓ Được tặng cặp vé máy bay khứ hồi;
- ✓ Sinh viên được hưởng chế độ bảo hiểm y tế/hưu trí/thất nghiệp khi thực tập tại Nhật Bản (khi về nước được nhận lại phần hưu trí ~ **90 triệu đồng**).
- ✓ Nhận thu nhập từ **15 – 17 man/tháng (26 ~ 30 triệu đồng/tháng)**, chưa bao gồm tăng ca) trong 3 năm thực tập sinh tại Nhật Bản;
- ✓ Sinh viên được trang bị ký túc xá đầy đủ các điều kiện sinh hoạt theo tiêu chuẩn khi thực tập tại Nhật Bản;

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

- **Phòng Tuyển sinh trụ sở chính:** 024.3362.8666 – 0928.88.99.00 (Cô Nga)
Địa chỉ: Phòng 101 nhà A, Số 252 Hạ Hội, Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội.
- **Phòng Tuyển sinh 128A Hồ Tùng Mậu:** 024.3767.9555 – 0964.505.509 (Cô Mây)
Địa chỉ: Phòng 108 nhà A, Số 128A, Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ:

- Họ tên thí sinh:.....
- Ngày sinh:...../...../.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Điểm TBC lớp 12:.....
- Điểm TBC ngoại ngữ:.....
- Ngành đăng ký:.....

(Lưu ý: Thí sinh điền đầy đủ thông tin và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện tới địa chỉ liên hệ của Nhà trường, hoặc gọi hotline 0928.88.99.00 để được hướng dẫn thủ tục nhập học)

CHI TIẾT KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP CHUYÊN NGÀNH TẠI NHẬT BẢN ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 16

Kinh phí chương trình ngành Công nghệ ô tô, Điện lạnh, Điện công nghiệp, Chế biến món ăn, Quản trị khách sạn							
Nội dung		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Tổng
1	Học phí nghề cao đẳng	5,100,000	10,300,000	11,800,000	3,100,000	-	30,300,000
2	Kinh phí điều phối chương trình	4,500,000	1,500,000	-	-	-	6,000,000
3	Kinh phí trước bay	-	-	-	-	24,000,000	24,000,000
4	Kinh phí học tiếng	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	(10,000,000) (*)	2,800,000
TỔNG THEO ĐỢT		12,800,000	15,000,000	15,000,000	6,300,000	14,000,000	63,100,000
<i>(*) Sinh viên trúng tuyển vòng phỏng vấn (đợt 4) được cấp hoàn chi phí học tiếng (10.000.000 đồng) trừ trực tiếp vào kinh phí trước bay (đợt 5).</i>							

Kinh phí chương trình ngành Tiếng Nhật							
Nội dung		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Tổng
1	Học phí nghề cao đẳng	5,700,000	9,000,000	12,200,000	10,400,000	-	37,300,000
2	Kinh phí điều phối chương trình	4,500,000	1,500,000	-	-	-	6,000,000
3	Kinh phí trước bay	-	-	-	-	24,000,000	24,000,000
4	Kinh phí học tiếng	-	-	-	-	(15,000,000) (*)	(15,000,000)
TỔNG THEO ĐỢT		10,200,000	10,500,000	12,200,000	10,400,000	9,000,000	52,300,000
<i>(*) Sinh viên trúng tuyển vòng phỏng vấn (đợt 4) được cấp hoàn chi phí học tiếng (15.000.000 đồng) trừ trực tiếp vào kinh phí trước bay (đợt 5).</i>							

Kinh phí chương trình ngành Điều dưỡng, y sỹ đa khoa							
Nội dung		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Tổng
1	Học phí nghề cao đẳng	5,100,000	10,300,000	11,800,000	7,100,000	-	34,300,000
2	Kinh phí điều phối chương trình	4,500,000	1,500,000	-	-	-	6,000,000
3	Kinh phí trước bay	-	-	-	-	24,000,000	24,000,000
4	Kinh phí học tiếng	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	(10,000,000) (*)	2,800,000
TỔNG THEO ĐỢT		12,800,000	15,000,000	15,000,000	10,300,000	14,000,000	67,100,000
<i>(*) Sinh viên trúng tuyển vòng phỏng vấn (đợt 4) được cấp hoàn chi phí học tiếng (10.000.000 đồng) trừ trực tiếp vào kinh phí trước bay (đợt 5).</i>							